

Bản án số: 97/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Đặng Hoàng Tân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2019/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Phương T (N), sinh năm 1987. (có mặt)

HKTT: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* anh Phan Thanh T (L), sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T (N) trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh T kết hôn năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B ngày 26/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2011, vợ chồng về quê sống cùng cha mẹ chồng, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè

say xỉn về nhà kiểm chuyện chửi mắng, đánh chị, thậm chí có lần dùng dao chém chị, chị đưa tay đỡ bị thương phải nhập viện khâu vết thương. Do thương con còn nhỏ và sau khi tỉnh rượu anh T năn nỉ nên chị tha thứ bỏ qua, anh T có hạn chế uống rượu được khoảng 1 – 2 tháng thì lại tiếp tục rượu chè. Mỗi khi anh T say rượu về đều vô cớ chửi mắng rồi đánh chị, có khi còn đánh con làm cho con sinh ra sợ hãi đối với anh T. Anh T đánh chị và con rất nhiều lần, mẹ chồng và con cháu trong gia đình đều biết, khuyên can nhưng anh T không nghe. Chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh T đến Tòa án 2 lần vào năm 2016 và năm 2018, sau khi chị nộp đơn thì anh T năn nỉ, hứa sẽ sửa đổi bỏ rượu nên chị tha thứ, rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn. Nhưng sau khi chị rút đơn được khoảng 1 – 2 tháng thì anh T lại tiếp tục rượu chè đánh đập mẹ con chị, chị có nhờ Công an xã P can thiệp giải quyết nhưng do là chuyện vợ chồng nên Công an xã không lập biên bản. Đến khoảng 21 giờ ngày 23/8/2019 (dl) anh T say rượu về kiểm chuyện gây gỗ đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà và đe dọa nếu không đi sẽ lấy xăng đốt quần áo và mẹ con chị, khi chị lên xe đi anh T còn đập vào lưng chị một cái. Từ đó chị đưa con về nhà mẹ ruột tại huyện V, tỉnh Vĩnh Long ở đến nay, sau đó anh T điện thoại chửi mắng chị bằng nhiều lời lẽ thô tục nên từ đó chị không nghe điện thoại của anh T nữa. Chị nhận thấy mỗi khi anh T say rượu tính tình rất hung hãn, hay hành hung đánh đập vợ con, mẹ con chị sống với anh T rất hoang mang lo sợ, cuộc sống luôn bất an, không có hạnh phúc. Chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phan Quốc A, sinh ngày 17/7/2011, từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung sống cùng chị. Hiện nay chị đang đi làm có thu nhập ổn định khoảng 8 triệu đồng một tháng nên có đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2019, bị đơn anh Phan Thanh T (L) trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và vợ - Nguyễn Thị Phương T cưới nhau năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh được vài năm, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Thời gian sau này thấy cha mẹ đã lớn tuổi nên vợ chồng về quê sống cùng cha mẹ anh, sau khi về quê thì vợ đi làm công ty, anh làm thợ hồ. Anh thừa nhận thỉnh thoảng đi làm có nhậu nhẹt lúc về nhà vợ cần nắn nên bực bội khó chịu vì vậy có đánh vợ vài bạt tai. Những lúc đánh vợ anh hoàn toàn không biết gì, đến khi tỉnh rượu nghe vợ kể lại anh mới biết nên anh có xin lỗi vợ, mong vợ tha thứ thì vợ cũng bỏ qua. Trước đây vợ anh cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án 2 lần nhưng anh năn nỉ, hứa sẽ khắc phục không đánh vợ nữa nên vợ đồng ý rút lại đơn xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, do đi làm nên đôi khi

anh vẫn có uống rượu và những lúc say rượu anh không làm chủ được bản thân nên cũng có đánh vợ vài bạt tai nhưng mỗi khi tỉnh rượu anh rất hối hận và năn nỉ xin lỗi vợ. Đến tối ngày 23/8/2019, sau khi đi làm về trong người đã có rượu nên khi vợ chồng cự cãi anh không kiểm soát được bản thân, vì vậy trong lúc cãi nhau anh có dọa vợ là “đem quần áo đi hết nếu không là tao đốt hết quần áo” nên tối đó vợ anh mang theo con đi về nhà mẹ ruột ở đến nay. Sau khi vợ bỏ đi anh có điện thoại năn nỉ mong vợ tha thứ trở về để vợ chồng hàn gắn nhưng vợ anh không đồng ý và không nhận điện thoại của anh nữa. Anh thừa nhận việc vợ anh xin ly hôn hoàn toàn là do lỗi của anh, nhưng anh mong vợ anh tha thứ và cho thêm cơ hội để anh sửa đổi, anh hứa sẽ bỏ rượu và không đánh vợ nữa, anh rất thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phan Quốc A, sinh ngày 17/7/2011, từ lúc vợ chồng sống ly thân con chung sống cùng vợ anh. Nếu vợ anh kiên quyết muốn ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh tự nguyện không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay công việc của anh là thợ hồ thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng đủ khả năng để nuôi con, nếu anh được nuôi con thì những lúc đi làm anh sẽ nhờ mẹ anh chăm sóc cháu.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: nhận thấy trong thời gian chung sống anh T thường xuyên rượu chè say xỉn vô cớ chửi mắng, đánh đập chị T dù đã được chị T nhiều lần tha thứ nhưng anh T vẫn không sửa đổi khắc phục. Đỉnh điểm là tối ngày 23/8/2019, sau khi say rượu anh T đuổi mẹ con chị T ra khỏi nhà và đe dọa nếu không đi sẽ đốt hết quần áo và mẹ con chị T nên chị T phải đưa con về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Qua đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T luôn sống trong trạng thái bất an, lo sợ bị đánh mỗi khi anh T có uống rượu. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: nhận thấy từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Quốc A sống cùng chị T và tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/10/2019 cháu Quốc A có nguyện vọng được

sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Bên cạnh đó, chị T cũng có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, nhận thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

Về tài sản chung: không tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Thanh T (L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phan Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 26 tháng 3 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

[2.1] Chị T cho rằng anh T thường xuyên rượu chè say xỉn về nhà vô cớ chửi mắng, đánh đập vợ con, chị đã khuyên nhiều lần và cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không được nên từ giữa tháng 8/2019 vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh T thừa nhận do anh thỉnh thoảng say rượu không kiểm soát được bản thân nên chửi mắng và đánh chị T, làm cho chị T bất mãn đối với anh nên xin ly hôn, việc chị T xin ly hôn hoàn toàn là do lỗi của anh.

[2.2] Tại biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B được đại diện chính quyền địa phương cho biết chị T và anh T đã sống ly thân khoảng vài tháng nay, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là gì thì địa phương không nắm được, do đây là chuyện nội bộ gia đình.

[2.3] Xét thấy, anh T thừa nhận nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn là do anh thường xuyên rượu chè say xỉn về chửi mắng và đánh chị T làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Không chịu đựng được tính rượu chè và hành vi chửi mắng, đánh đập của anh T nên chị T đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng vì nỗ lực hàn gắn hạnh phúc gia đình chị T đã rút đơn cho anh T thêm cơ hội sửa đổi, khắc phục khuyết điểm của bản thân để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, thuận hòa. Tuy nhiên, chính anh T cũng biết hành vi chửi mắng, đánh đập vợ con của anh là sai trái, làm hôn nhân của anh và chị T suýt rơi vào tình trạng đổ vỡ 02 lần nhưng anh

cũng chỉ hứa sẽ khắc phục để cho qua mà không thật T sửa đổi, khắc phục, hành vi chửi mắng, đánh đập vợ con vẫn tiếp diễn. Qua đó, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Phan Quốc A, sinh ngày 17/7/2011.

Xét thấy, mặc dù anh T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Quốc A sống cùng chị T và tại biên bản lấy ý kiến ngày 03/10/2019 cháu Quốc A có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, chị T cũng có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, việc chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Quốc A là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Phương T (N) ly hôn với anh Phan Thanh T (L).

2. Về con chung: cháu Phan Quốc A, sinh ngày 17/7/2011.

Chị Nguyễn Thị Phương T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Quốc A, sinh ngày 17/7/2011. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh Phan Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phan Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006688 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Ba Tri;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Phương Nhi**